TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Xuân Giới và bà Phạm Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thuỷ, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Mạnh Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bàn Thị S, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Đặng Tằng S1, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Bàn Thị S và anh Đặng Tằng S1 chung sống với nhau từ khoảng năm 2007, đến năm 2014 chị S và anh S1 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã T, tỉnh Quảng Ninh). Quá trình chung sống, anh S1 không chăm lo cho gia đình, cụ thể: anh S1 đi làm có thu nhập nhưng đưa cho chị S rất ít để lo cho các con chung. Anh S1 thường xuyên chơi bời, có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Do bực tức chị S đã nói anh S1, nhưng anh S1 không rút kinh nghiệm, không nhận lỗi mà ngược lại chị S càng nói thì lại càng bị anh S1 chửi mắng và đánh. Đến nay, chị S không thể tiếp

tục sống chung với anh S1 được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S1.

Về con chung: chị S và anh S1 có 02 con chung là Đặng Minh H, sinh ngày 07/11/2007 và Đặng Mai L, sinh ngày 07/12/2010. Tại Đơn khởi kiện, chị S đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Minh H: anh S1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Minh H; đối với con chung Đặng Mai L: chị S yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi Đặng Mai L đủ 18 tuổi. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12/9/2025, chị S rút yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng đối với con chung Đặng Mai L: chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Mai L.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đặng Tằng S1 trình bày: năm 2014 anh S1 và chị S đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, thỉnh thoảng có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh S1 chơi bời bạn bè nên có thất thoát tiền nhưng không giải thích được lý do. Đến nay, chị S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S1 nhưng anh S1 không đồng ý. Anh S1 đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vì các con còn nhỏ cần có cả bố và mẹ quan tâm chăm sóc.

Về con chung: anh S1 và chị S có 02 con chung là Đặng Minh H, sinh ngày 07/11/2007, Đặng Mai L, sinh ngày 07/12/2010. Trong trường hợp Tòa án giải quyết chị S ly hôn với anh S1 thì anh S1 tôn trọng quyết định của các con chung "Ở với bố, với mẹ cũng được".

Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh S1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Các đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Do vậy, anh S1 đã cố tình vắng mặt, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị S: chị Bàn Thị S ly hôn với anh Đặng Tằng S1.

Về con chung: giao các con chung Đặng Minh H, sinh ngày 07/11/2007 và Đặng Mai L, sinh ngày 07/12/2010 cho chị Bàn Thị S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Minh H: anh S1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Minh H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Mai L: do nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng đối với con chung Đặng Mai L. Nên, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị S và anh S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 Căn cước công dân (bản chứng thực); 02 Giấy khai sinh (bản chứng thực); 01 Xác nhận thông tin về cư trú (bản chứng thực); Đơn trình bày nguyện vọng ngày 30/7/2025 (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: không có.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh.

5. Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về việc chị S và anh S1 đăng ký kết hôn hợp pháp; về con chung.

* Nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được: không.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Bàn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", bị đơn anh Đặng Tằng S1 có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Quảng Ninh. Nên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều

35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Đối với nguyên đơn chị Bàn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa và chị S đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với anh Đặng Tằng S1: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập cho anh S1 (anh S1 nhận trực tiếp) nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Bàn Thị S, các tài liệu chứng cứ do chị S cung cấp và Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định:

Chị S và anh S1 chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2014 chị S và anh S1 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã T, tỉnh Quảng Ninh). Vì vậy, hôn nhân giữa chị S và anh S1 là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Biên bản xác minh ngày 12/8/2025, tại thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Ninh thể hiện nội dung: quá trình chung sống với nhau, chị Bàn Thị S và anh Đặng Tằng S1 có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Tuy nhiên, anh chị không nhờ thôn hòa giải nên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được. Về điều kiện nuôi con thì anh S1 và chị S đều là lao động tự do, địa phương không nắm được.

Ngoài ra, tại Đơn trình bày nguyện vọng của hai con chung Đặng Mai L và Đặng Minh H đều có nội dung: cháu L và cháu H đều chứng kiến việc anh S1 đánh chị S. Thời gian gần đây anh S1 không đánh chị S nữa nhưng anh S1 thường xuyên đi qua đêm không về, thường xuyên chửi bới, dọa nạt chị S.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh S1 đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc anh S1 không chấp hành theo triệu tập của Tòa án thể hiện việc anh S1 coi thường pháp luật và không có thiện chí muốn bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa anh S1 và chị S. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S: xử cho chị S ly hôn với anh S1.

Về con chung: căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định: chị S và anh S1 có 02 con chung là Đặng Minh H, sinh ngày 07/11/2007 và Đặng Mai L, sinh ngày 07/12/2010. Chị S đề nghị được quyền trực tiếp nuôi con chung các con

chung. Tại bản tự khai anh S1 có quan điểm tôn trọng sự lựa chọn của các con "Muốn ở với bố hoặc với mẹ cũng được". Tại Đơn trình bày nguyện vọng của Đặng Minh H, Đặng Mai L thì đều có nguyện vọng muốn ở với chị S. Căn cứ Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi con như nêu trên của nguyên đơn: cần giao con chung Đặng Minh H, Đặng Mai L cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Minh H: chị Bàn Thị S không yêu cầu anh Đặng Tằng S1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Minh H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Mai L: tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2025, chị S đề nghị Tòa án giải quyết: giao hai con chung là Đặng Minh H, Đặng Mai L cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và anh S1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Mai L, số tiền cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi Đặng Mai L thành niên (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/9/2025, chị S có quan điểm rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung: chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện như nêu trên là tự nguyện. Do đó, căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: chị S không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Về án phí: chị Bàn Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị S:

Về quan hệ hôn nhân: chị Bàn Thị S ly hôn với anh Đặng Tằng S1.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị S và anh Đặng Tằng S1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: giao con chung Đặng Minh H, sinh ngày 07/11/2007 và Đặng Mai L, sinh ngày 07/12/2010 cho chị Bàn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Minh H: anh Đặng Tằng S1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Minh H.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: anh Đặng Tằng S1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Mai L, số tiền cấp dưỡng là 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi Đặng Mai L thành niên (đủ 18 tuổi).

3. Về án phí: chị Bàn Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006103 ngày 08/7/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 –QN;
- Phòng THADS khu vực 1 - QN;
- UBND xã Thống Nhất, tỉnh QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An